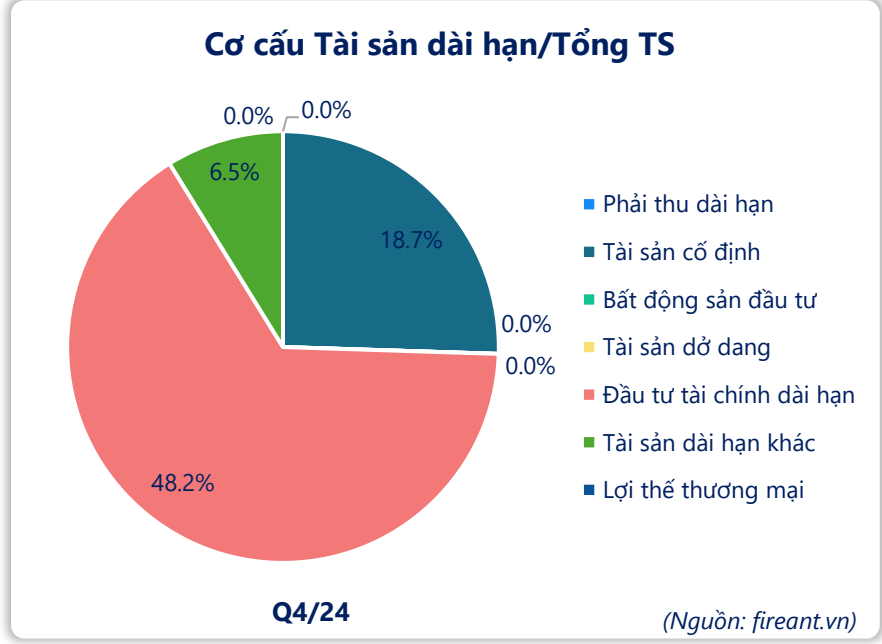
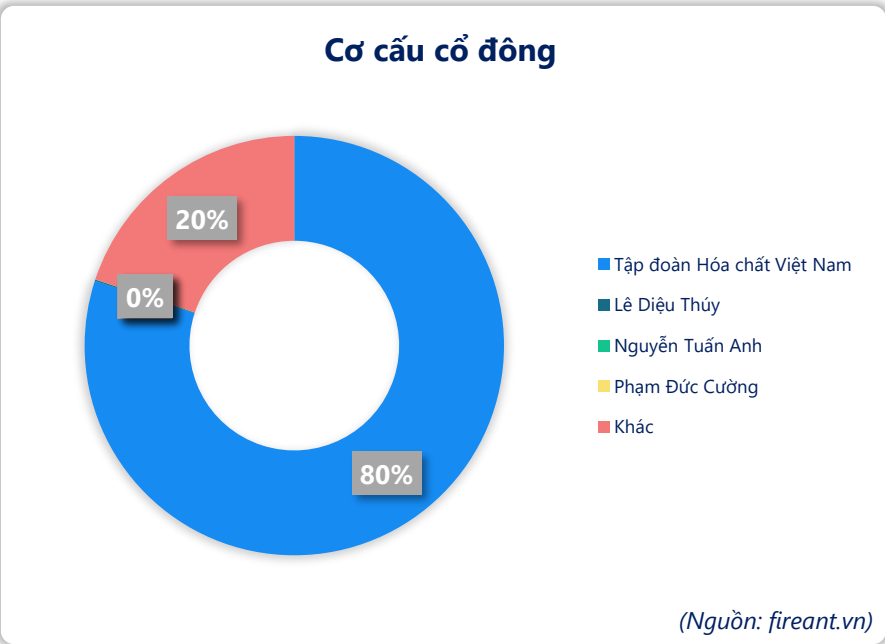
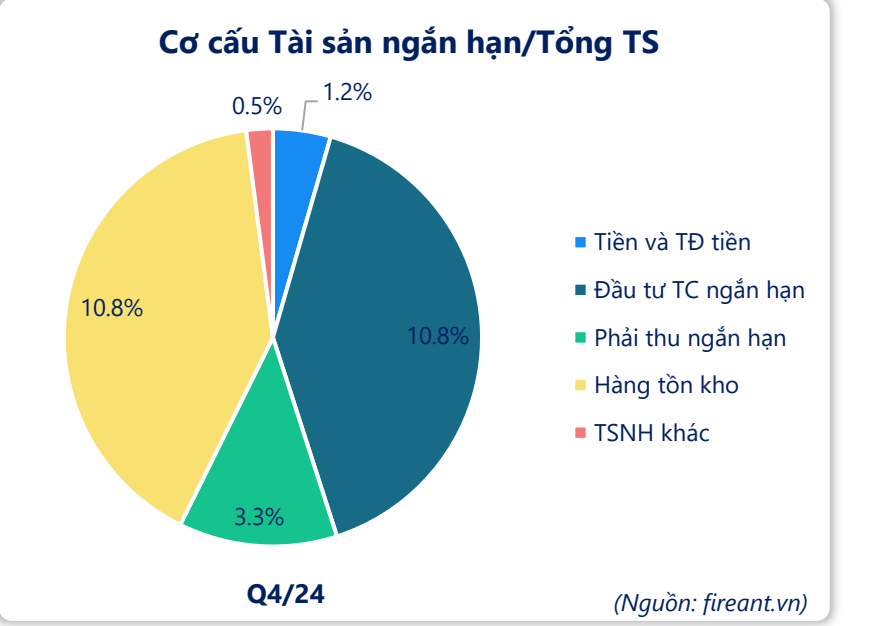
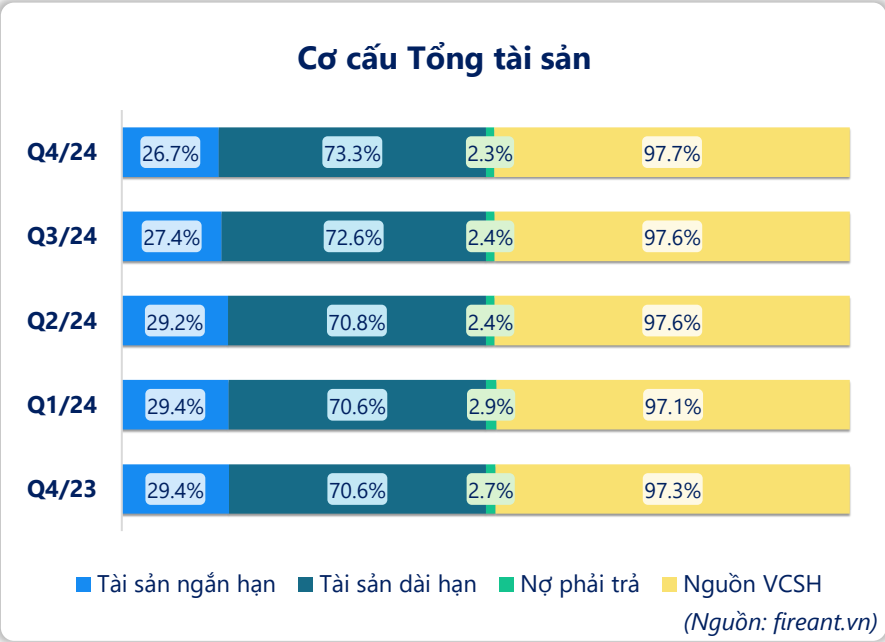
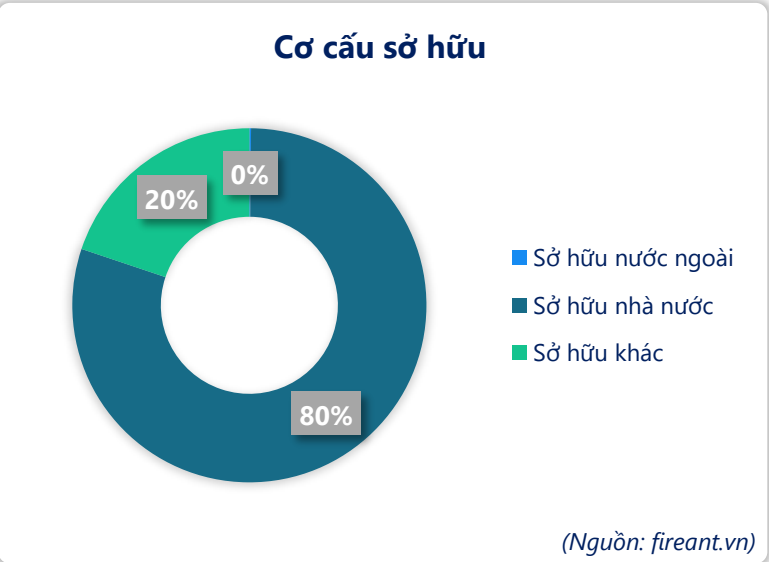
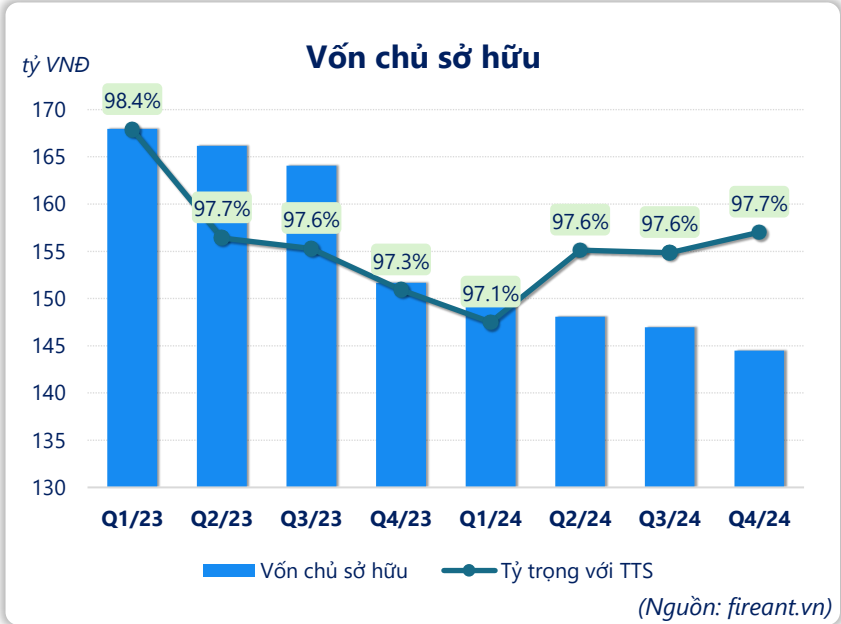
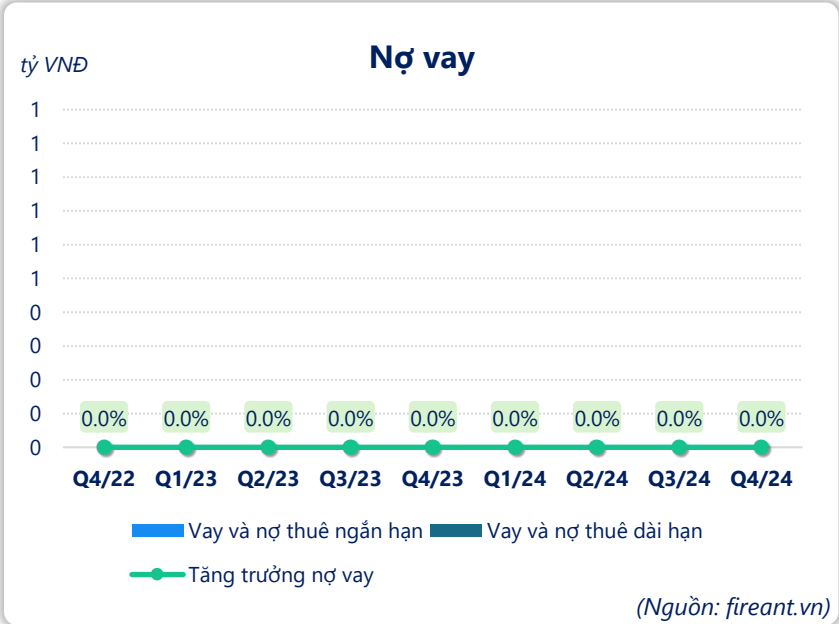
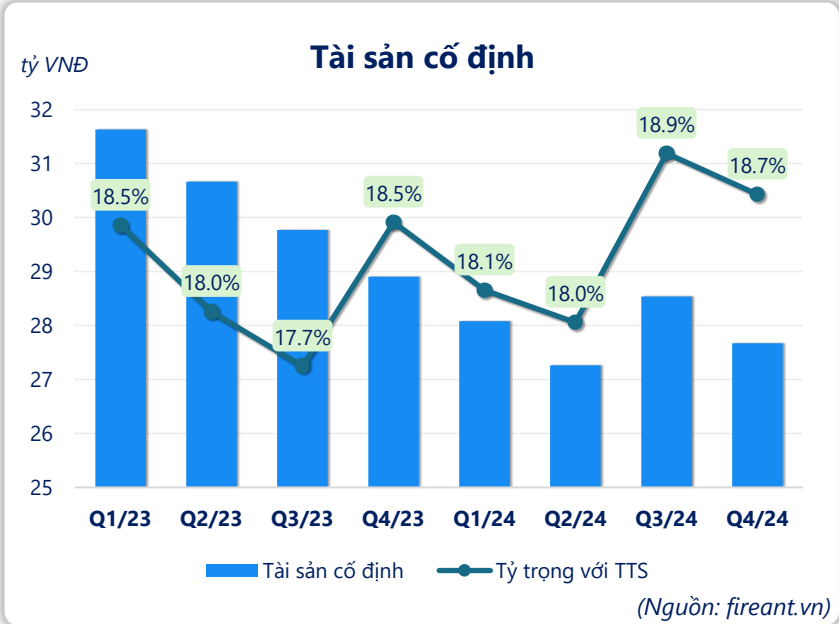
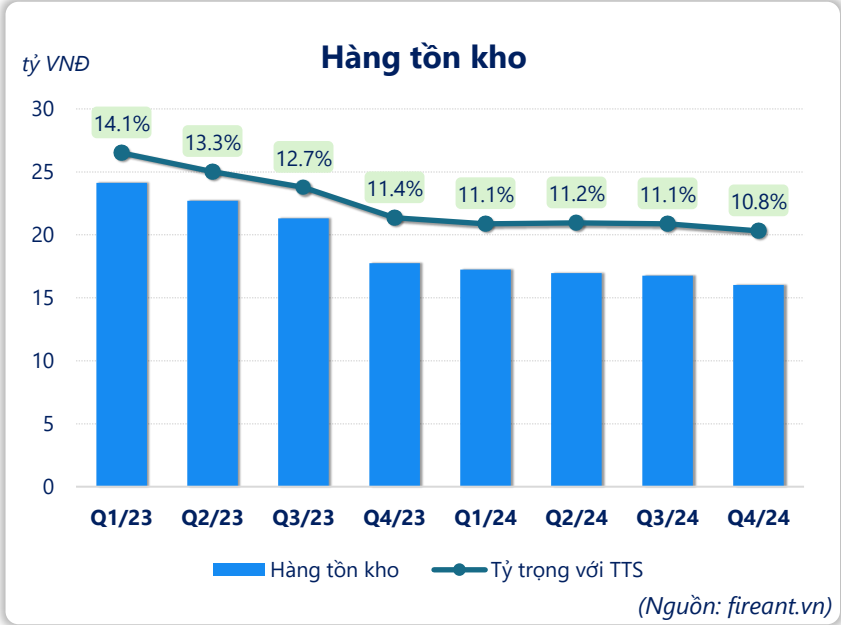
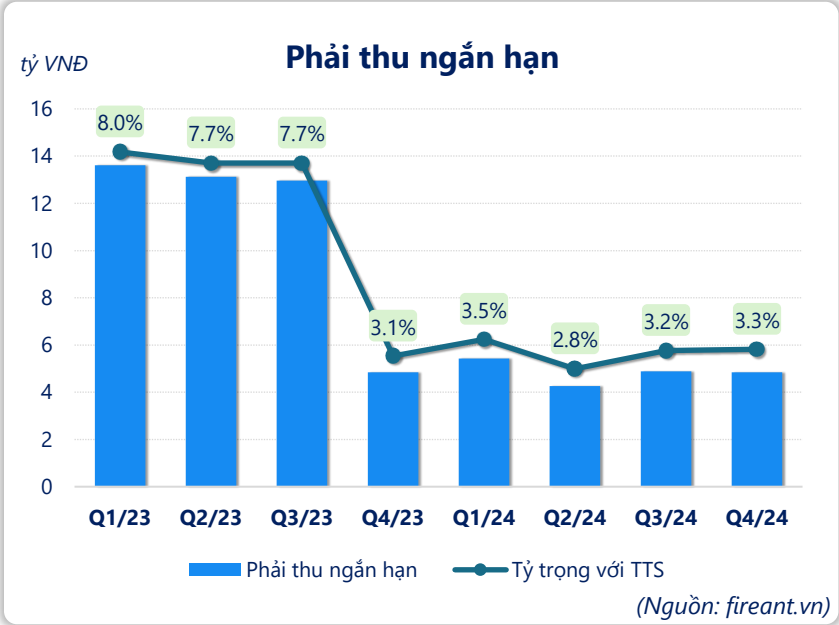
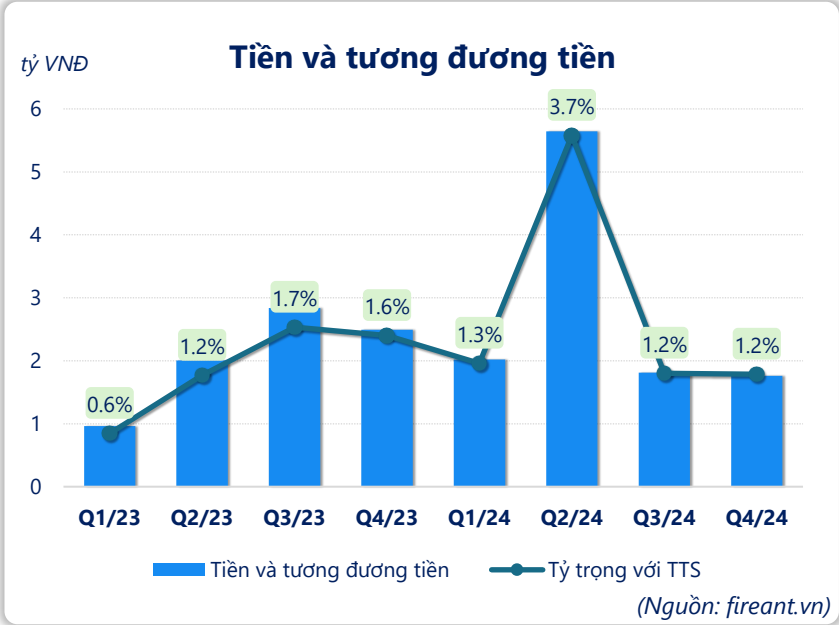
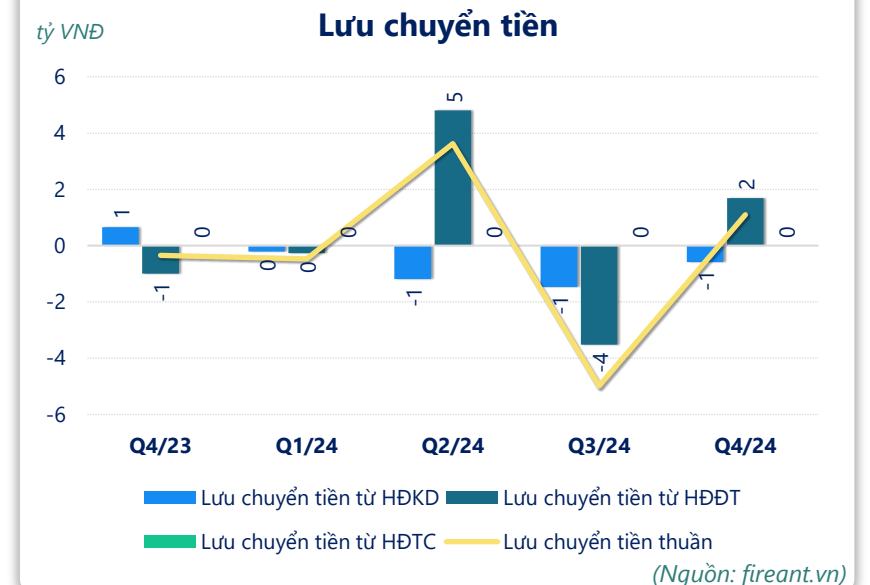
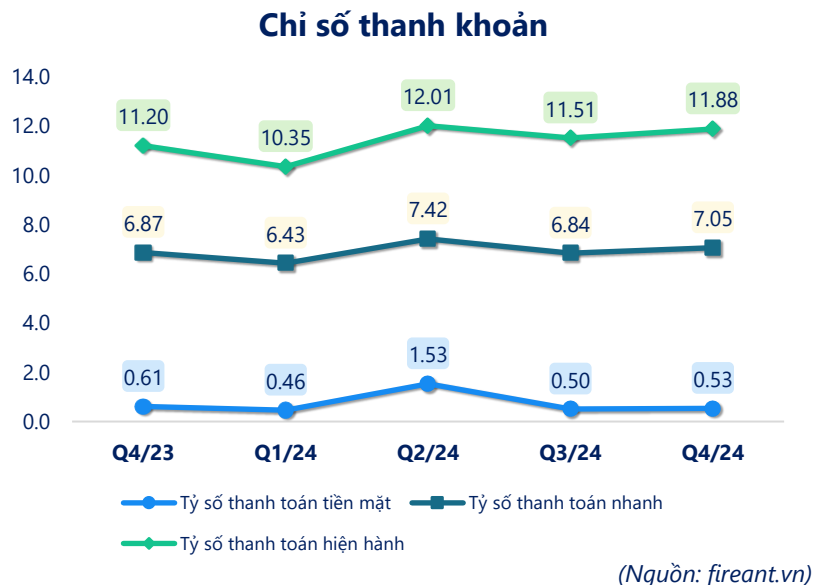
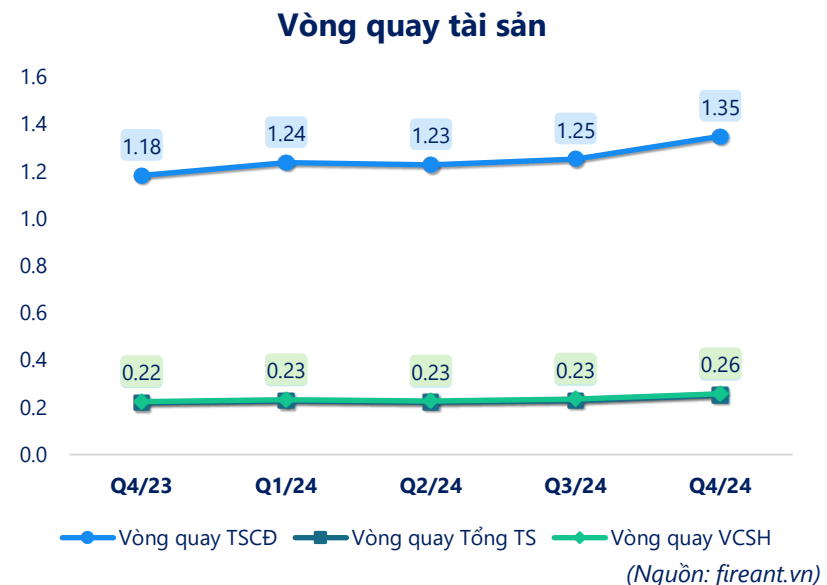
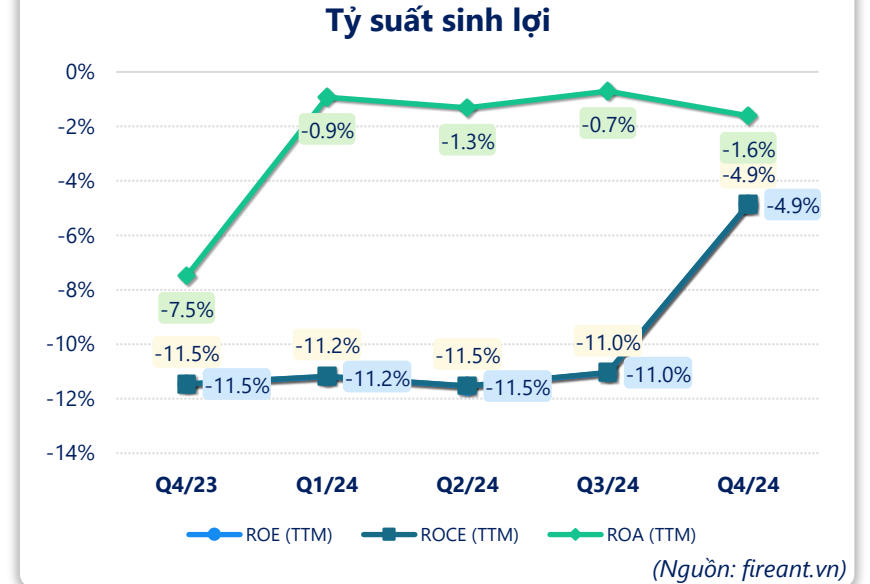
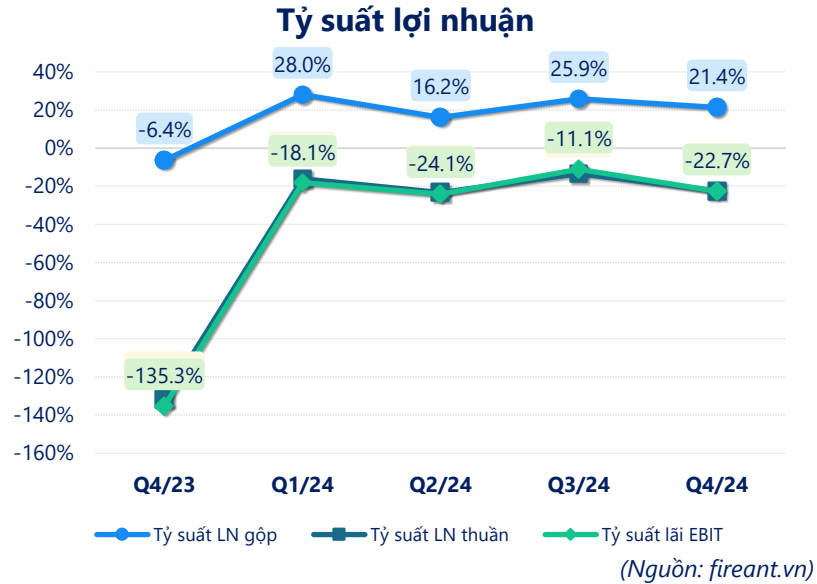
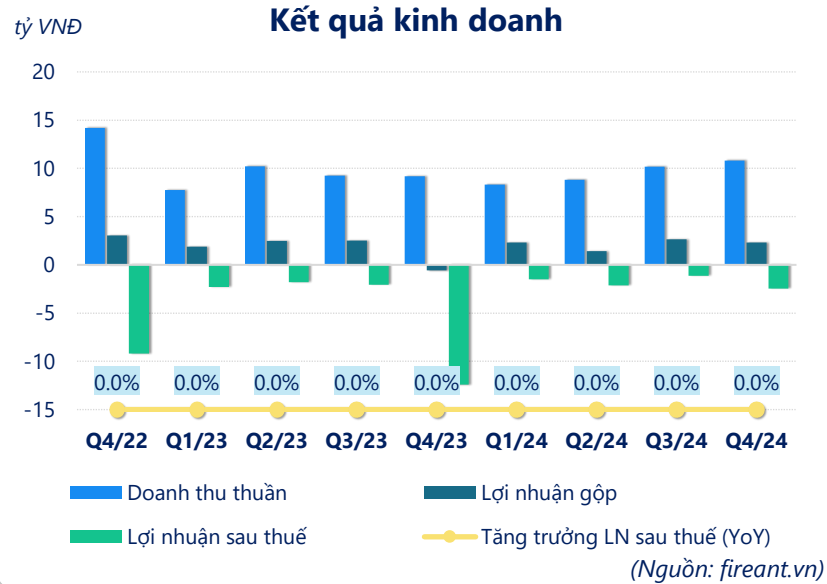


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		7,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,200
SL cổ phiếu LH		12,972,475
KLGD BQ 20 phiên (CP)		7,785
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		102
P/E		-14.2
EPS		-556

	YTD	1T	3T	6T
XPH		49.1%	38.6%	19.7%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	148	156	-5.1%
Tài sản ngắn hạn	39.4	46.5	-15.1%
Tiền và tương đương tiền	1.76	2.49	-29.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.0	20.0	-20.0%
Phải thu ngắn hạn	4.84	4.85	-0.2%
Hàng tồn kho	16.0	17.7	-9.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.81	1.37	-41.0%
Tài sản dài hạn	108	109	-0.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	27.7	28.9	-4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	71.3	71.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	9.56	9.25	3.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.42	4.15	-17.6%
Nợ ngắn hạn	3.32	4.15	-20.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.34	1.55	-13.5%
Nợ dài hạn	0.10	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	144	152	-4.8%
Vốn chủ sở hữu	144	152	-4.8%
Vốn điều lệ	130	130	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	9.18	8.31	8.83	10.2	10.8
Giá vốn hàng bán	9.76	5.98	7.40	7.54	8.50
Lợi nhuận gộp	-0.59	2.33	1.43	2.63	2.32
Doanh thu HĐTC	0.29	0.26	0.17	0.14	0.17
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.63	1.06	0.97	1.04	1.48
Chi phí QLDN	10.2	2.87	2.68	3.09	3.42
LN thuần từ HĐKD	-12.1	-1.34	-2.06	-1.36	-2.43
Lợi nhuận khác	-0.34	-0.17	-0.07	0.23	-0.03
LN trước thuế	-12.4	-1.50	-2.13	-1.13	-2.46
Lợi nhuận sau thuế	-12.4	-1.50	-2.13	-1.13	-2.46
LNST của CĐ cty mẹ	-12.4	-1.50	-2.13	-1.13	-2.46

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.66	-0.21	-1.18	-1.47	-0.59
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.00	-0.26	4.81	-3.52	1.69
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	2.84	2.49	2.02	5.64	1.81
Lưu chuyển tiền thuần	-0.34	-0.47	3.62	-4.99	1.10
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.49	2.02	5.64	1.81	1.76

(Nguồn: fireant.vn)